

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HS-ST
Ngày 18/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quang Khánh.

Ông Nguyễn Trọng Tảo.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đức Quân, là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hiền, là Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2025, đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Văn T, sinh ngày 27 tháng 10 năm 1979, tại xã T, huyện V, tỉnh Nam Định (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình); nơi cư trú: thôn Đ, phường T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị L; có vợ là Đỗ Thị H, có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24 tháng 6 năm 2025 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1978; trú tại: thôn L, xã H, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Trương Công T, vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 27 tháng 5 năm 2025, bị cáo Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 18-C1 XXX.XX từ nhà đến cửa hàng gạo H của bà Bùi Thị H ở xóm H, xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định (nay là xóm H, xã H, tỉnh Ninh Bình) để mua 10 kg gạo Bắc Thơm. Trong quá trình mua gạo, bị cáo T thấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 màu trắng của ông Nguyễn Đình Q để trên mặt bàn cân đồng hồ trong cửa hàng, bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại nêu trên. Vì vậy, bị cáo nói với bà H lấy thêm cho bị cáo 10 kg nữa, lợi dụng lúc bà H đi vào trong lấy gạo, bị cáo dùng tay trái lấy điện thoại bỏ vào túi quần bên trái của mình. Khi bà H mang gạo ra, bị cáo nói là không mang đủ tiền nên không lấy thêm gạo nữa. Sau đó, bị cáo điều khiển xe mô tô cùng với chiếc điện thoại đã trộm cắp được đi về nhà.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 18-C1 XXX.XX và mang theo chiếc điện thoại đã trộm cắp được đi từ nhà đến cửa hàng mua bán điện thoại D của anh Trương Công T tại thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định (nay là xã Y, tỉnh Ninh Bình). Tại đây, bị cáo đưa chiếc điện thoại cho anh T và nói “anh có cái điện thoại của bà cô hơn 60 tuổi bị quên mật khẩu, em mở giúp anh”. Anh T có hỏi lại bị cáo “thế trong máy có tài khoản iCloud không” bị cáo nói “có nhưng không nhớ tài khoản và mật khẩu”, anh T bảo “vậy em không phá được”, bị cáo nói “vậy anh bán chiếc máy này thì được bao nhiêu”, anh T nói “nếu anh bán thì cửa hàng em thu mua được 1.600.000 đồng”. Bị cáo đồng ý bán chiếc điện thoại trên cho anh T với giá 1.600.000 đồng, sau đó lấy lại chiếc sim điện thoại, nhận số tiền 1.600.000 đồng từ anh T rồi ra về.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo bị Công an xã Quang Trung, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (nay là Công an xã Hiên Khánh, tỉnh Ninh Bình) triệu tập. Tại cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi, tự nguyện giao nộp: một sim điện thoại di động số thuê bao 094XXXXXXX, số tiền 1.600.000 đồng, một xe mô tô nhãn hiệu Wave màu sơn đen bạc biển kiểm soát 18-C1 XXX.XX, một bộ quần áo dài tối màu, một mũ bảo hiểm chùm kín đầu màu xanh ngọc và một mũ bảo hiểm nửa đầu màu đen.

Quá trình điều tra, anh Trương Công T đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định (nay là Công an tỉnh Ninh Bình) một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 màu trắng mà bị cáo T đã bán trước đây cho anh T.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận: chiếc

điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 màu trắng (điện thoại cũ đã qua sử dụng) có giá trị là 6.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình) đã trả lại cho bị hại ông Nguyễn Đình Q một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 màu trắng cùng một sim điện thoại di động số thuê bao 094XXXXXXX. Đã trả lại cho anh Trương Công T số tiền 1.600.000 đồng. Ông Q, anh T đã nhận lại tài sản và đều không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu sơn đen bạc biển kiểm soát 18-C1 XXX.XX mà bị cáo T điều khiển ngày 27 tháng 5 năm 2025, quá trình điều tra xác định chiếc xe này là của anh Nguyễn Ngọc T1 (con trai của bị cáo). Do anh T1 đang chấp hành án phạt tù nên để chiếc xe mô tô này ở nhà cho gia đình quản lý. Ngày 27 tháng 5 năm 2025, bị cáo lấy xe đi và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, việc này anh T1 không biết. Ngày 10 tháng 6 năm 2025, anh T1 đã có giấy ủy quyền cho ông nội mình là ông Nguyễn Văn D nhận lại chiếc xe này. Ông D đã nhận lại chiếc xe và không có đề nghị gì.

Cáo trạng số 09/CT-VKSVB ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình thực hành quyền công tố, sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo T và đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như động cơ mục đích phạm tội của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng và đã đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm Tội trộm cắp tài sản. Về điều luật áp dụng và hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Đình Q đã nhận lại một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 cùng một sim điện thoại số thuê bao 094XXXXXXX. Anh Trương Công Tg đã nhận lại số tiền 1.600.000 đồng. Ông Q và anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì khác nên về trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình) đã trả lại một chiếc điện thoại iPhone 12, một sim điện thoại số thuê bao 094XXXXXXX, số tiền 1.600.000 đồng, một xe mô tô nhãn hiệu Wave màu

sơn đen bạc biên số 18-C1 XXX.XX cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật. Đối với đồ vật thu giữ của bị cáo gồm: một bộ quần áo dài tối màu, một mũ bảo hiểm trùm kín đầu màu xanh ngọc và một mũ bảo hiểm nửa đầu màu đen không phải là vật chứng, căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị trả lại cho bị cáo T.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng là rất ăn năn hối lỗi đề nghị Hội đồng xét xử cho được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Xét hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với toàn bộ các lời khai của bị cáo, bị hại và người làm chứng đã khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình và phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác còn lại có trong hồ sơ vụ án, cũng như là vật chứng của vụ án đã thu giữ. Nên Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại cửa hàng bán gạo H của gia đình bà Bùi Thị H ở xóm H, xã H, tỉnh Ninh Bình, bị cáo T đã cố ý lén lút lấy trộm một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 màu trắng có trị giá là 6.500.000 đồng của ông Nguyễn Đình Q. Sau đó, bị cáo đã bán chiếc điện thoại này cho anh Trương Công T với giá là 1.600.000 đồng.

Đối chiếu hành vi mà bị cáo đã thực hiện với quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành thì thấy hành vi của bị cáo đã có đủ các yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố và luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình đối với hành vi phạm tội của bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương, hành vi này là nguy hiểm cho xã hội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân là ngoài lần phạm tội này bị cáo không vi phạm pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.600.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt đối với hành vi phạm tội của bị cáo:

Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; bị cáo là người có nhân thân tốt; bị cáo được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự xét thấy không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo, chấp hành án tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung và không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Theo đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Đình Q đã nhận lại một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 cùng một sim điện thoại số thuê bao 0942514816. Anh Trương Công T đã nhận lại số tiền 1.600.000 đồng. Ông Q và anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì khác nên về trách nhiệm dân sự không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã trả lại một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12, một sim điện thoại số thuê bao 094XXXXXXX, số tiền 1.600.000 đồng, một xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen bạc biển số 18-C1 XXX.XX cho chủ sở hữu hợp pháp. Việc trả lại những vật chứng này của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình là đúng quy định của pháp luật.

Đối với một bộ quần áo dài tối màu, một mũ bảo hiểm trùm kín đầu màu xanh ngọc và một mũ bảo hiểm nửa đầu màu đen, Hội đồng xét thấy những đồ vật này không phải là vật chứng, căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần phải trả lại cho bị cáo T.

[8] Đối với hành vi mua lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 từ bị cáo T của anh Trương Công T, khi mua lại chiếc điện thoại này, anh T không biết chiếc điện thoại đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Trương Công T là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm Tội trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i và s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo T cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T một bộ quần áo dài tối màu, một mũ bảo hiểm trùm kín đầu màu xanh ngọc và một mũ bảo hiểm nửa đầu màu đen.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, tỉnh Ninh Bình).

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là ông Nguyễn Đình Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Phòng PC 01, PV 10, PV 06 Công an tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã và đóng dấu)

Trần Đức Cường